TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 -10 - 2018.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Vũ Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 11, đường T, tổ 2, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt chị M và anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn có quan điểm:

Chị và anh Lê Văn K kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Văn K ghen tuông vô lối, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/7/2018 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Nay chị Đặng Thị Thu M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Ngọc Hà L, sinh ngày 10/11/2012 và Lê Thanh H, sinh ngày 05/10/2014. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Lê Thanh H và giao anh K nuôi cháu Lê Ngọc Hà L. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: Không có. Hiên chị M không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn K có quan điểm:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm quá trình kết hôn như chị M trình bày là đúng. Anh xác nhận vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 27/2/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì đi đến hôn nhân và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Theo anh việc chị M khai vợ chồng bất đồng quan điểm sống là chưa có tiếng nói chung về kinh tế và chị M không có ý thức vun vén gia đình nên bất đồng quan điểm sống. Việc chị M khai anh ghen tuông là không có vợ chồng có tranh luận chứ không cãi nhau. Mỗi lần tranh luận anh K đều chủ động xin lỗi và làm hòa. Từ ngày 24/7/2018 gia đình chị M lăng mạ, chửi bới, đập phá đuổi anh K và các con ra khỏi nhà từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn chị M xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh xin nuôi 02 con chung và không đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không có nghề nghiệp, không có thu nhập và thời gian chăm con. Mặt khác anh K công tác tại ngành Công an có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/ tháng.

Về con nuôi, con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà:

Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị M xin ly hôn anh K xin đoàn tụ và tranh chấp về việc nuôi con sau ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Thu M.

Xử ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu M và anh Lê Văn K.

2/ Về con chung: Giao chị Đặng Thị Thu M nuôi cháu Lê Thanh H và anh Lê Văn K nuôi cháu Lê Ngọc Hà L.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ: Chị M và anh K thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Thu M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị Thu M và anh Lê Văn K là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 27/2/2012 đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Thu M, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn chị M và anh K chung sống được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Chị M cho rằng anh K thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu khi say thì lăng mạ và ghen tuông vô lối, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau. Anh K cho rằng vợ chồng chưa có tiếng nói chung về kinh tế và chị M không có ý thức vun vén gia đình. Tuy mâu thuẫn hai bên đưa ra không giống nhau nhưng đến nay vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/ 2018 là có thật được đôi bên thừa nhận. Nay chị M xin ly hôn, anh K xin đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh K đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung đã hoàn toàn chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị M và anh K theo quy định tại các Điều 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng thực tế và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Lê Ngọc Hà L, sinh ngày 10/11/2012 và Lê Thanh H, sinh ngày 05/10/2014. Khi ly hôn chị M xin nuôi cháu H và giao anh K nuôi cháu L còn anh K xin nuôi 02 con chung. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của hai bên đều chính đáng. Chị M và anh K đều là những người bình thường đang trong độ tuổi lao động. Anh K làm trong ngành Công an còn chị M kinh doanh nhỏ. Cả hai bên đều có thu nhập để trang trải cuộc sống nên giao mỗi người nuôi 01 con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

Con nuôi, con riêng chị M và anh K thống nhất vợ chồng không có. Hiện chị M không có thai nghén gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức đóng góp: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu M và anh Lê Văn K.

2/ Về con chung: Giao chị Đặng Thị Thu M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thanh H (con gái), sinh ngày 05/10/2014 và giao anh Lê Văn K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Ngọc Hà L, sinh ngày 10/11/2012 (con gái). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp 300.000đ, chị M được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001859 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm chị M và anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**